

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2021
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Bích Hà;

Ông Nguyễn Minh Đức.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thẩm thụ lý số 99/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2021 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Xóm G, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn Q, sinh năm: 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2021 và các lời khai, yêu cầu, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Ngô Văn Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn ngày 13/2/2019, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau cho đến khoảng tháng 10 năm 2020 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Theo chị trình bày do anh Ngô Văn Q nghi ngờ chị N có quan hệ ngoài hôn nhân nên đã có hành động chửi bới, đánh đập và không cho chị N đi

làm công ty nữa. Sau khi nghỉ làm ở công ty, khoảng tháng 4/2021, chị Phạm Thị N chuyển về nhà mẹ đẻ ở xã S, huyện A, tỉnh Nghệ An sinh sống, vợ chồng bắt đầu ly thân, không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên chị Phạm Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn Q.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu Ngô Gia M, sinh ngày 08/8/2019. Kể từ khi ly thân đến nay, cháu cùng chị về ở cùng ông bà ngoại, tuy nhiên, anh Ngô Văn Q và gia đình anh Q không quan tâm, gọi điện hỏi thăm cháu. Hiện nay, chị Phạm Thị N làm công nhân tại Bắc Giang, lương tháng khoảng 11.800.000 đồng. Do tình hình dịch Covid nên cháu M ở quê Nghệ An ở cùng ông bà ngoại, cuối tuần được nghỉ thì chị Phạm Thị N về thăm cháu. Bố mẹ đẻ của chị Phạm Thị N nay vẫn còn có sức khỏe sẵn sàng giúp đỡ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Gia M; nhà cách trường mẫu giáo hiện cháu đang học chỉ 1km. Ngoài ra, chị N có tham gia bảo hiểm B từ năm 2014, sau khi đủ 10 năm sẽ được 120 triệu hoặc 15 năm sẽ được nhiều hơn, đảm bảo về điều kiện xây dựng chỗ ở ổn định, đảm bảo chăm sóc cháu Ngô Gia M. Do đó, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, yêu cầu anh Ngô Văn Q cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2022, đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Q trả lãi suất quá hạn do chậm trả đối với khoản tiền phải thi hành án. Lý do nguyên đơn không đồng ý để cho anh Ngô Văn Q nuôi con là do cháu còn quá nhỏ, hiện đang được nuôi dưỡng ổn định, đảm bảo phát triển tốt. Sau này, khi cháu đi học mẫu giáo hoặc vào lớp 1 thì chị N sẽ cùng anh Q bàn bạc về việc nuôi dưỡng để làm sao cho cháu có chỗ ở, điều kiện học tập được tốt nhất.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các lời khai, yêu cầu, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Ngô Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn Q và chị Phạm Thị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng tháng 10/2020 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do chị Phạm Thị N có quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân với người khác. Bản thân anh Ngô Văn Q cũng mong muốn chị N thay đổi để chung sống hạnh phúc, nuôi dạy con cái nhưng chị N chỉ hứa mà không thay đổi, vẫn tiếp tục làm anh Q nghi ngờ và cũng không còn quan tâm đến cuộc sống của anh Q. Tháng 4/2021, chị N đưa con về ngoại ở Nghệ An chơi, hẹn khi nào con đi học mẫu giáo đưa con về để cho con đi học. Đến khoảng tháng 5/2021, cả hai không còn liên lạc với nhau. Anh Ngô Văn Q xác định không còn tình cảm với chị N nên đồng ý ly hôn do mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đời sống chung không tồn tại.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bị đơn yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngô Gia M đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hiện nay, bị đơn làm công nhân ở huyện C, tỉnh Bắc Giang, lương tháng khoảng 10.500.000 đồng/tháng; ngoài ra còn có ông bà nội của cháu M phụ giúp chăm sóc. Trường hợp được nuôi con, bị đơn không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi con, bị đơn đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2022 và không phải chịu lãi suất quá hạn do chậm thi hành án.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng có thẩm quyền thụ lý vụ án, thực hiện thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; việc thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, thực hiện các bước tố tụng trước khi xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Đề nghị áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình ; chấp nhận yêu cầu khởi kiện, công nhận thuận tình ly hôn cho chị Phạm Thị N và anh Ngô Văn Q do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi ly hôn, chị Phạm Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Ngô Gia M đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; anh Ngô Văn Q phải cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2022 và không phải chịu lãi suất chậm trả. Anh Ngô Văn Q có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung không có, không xem xét giải quyết. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Ngô Văn Q có nơi cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân; căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để xác định:

Chị Phạm Thị N và anh Ngô Văn Q có đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trong khoảng thời gian dài, bắt đầu từ tháng 10/2020 nguyên nhân do anh Ngô Văn Q nghi ngờ chị Phạm Thị N có quan hệ với người khác nên có xúc phạm, xích mích bởi không kìm chế được sự nóng giận. Bản thân chị Phạm Thị N cũng không còn tình cảm và không quan tâm đến cuộc sống của anh Q, dẫn đến việc hai vợ chồng ly thân từ tháng 4/2021. Tòa án đã tạo điều kiện tiến hành khuyên bảo chị Phạm Thị N và anh Ngô Văn Q, hóa giải mâu thuẫn, đoàn tụ nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc; nhưng nguyên đơn, bị đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại nên thống nhất thuận tình ly hôn, để được giải thoát khỏi cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; hơn nữa việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện; cần công nhận thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung; xét đề nghị về việc trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của chị Phạm Thị N thấy rằng: Hiện tại cháu Ngô Gia M, sinh ngày 08/8/2019 (chưa đủ 36 tháng tuổi), thuộc trường hợp tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để thực hiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác. Xem xét các điều kiện của người trực tiếp nuôi con, thấy rằng, chị N không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự; bản thân có chỗ ở, công việc làm ổn định với mức thu nhập trung bình 11.800.000đ/tháng, đảm bảo nuôi sống bản thân và người con. Ngoài ra, chị N có tích lũy một số tiền bảo hiểm nhân thọ, dự phòng cho tương lai. Thực tế từ khi sinh ra, cháu đều ở ổn định với chị N, có sự giúp đỡ chăm sóc của ông bà ngoại. Bố mẹ đẻ của chị Phạm Thị N nay vẫn còn có sức khỏe sẵn sàng giúp đỡ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Gia M; nhà cách trường mẫu giáo hiện cháu đang học chỉ 1km. Thấy rằng, chị Phạm Thị N cơ bản có đủ các điều kiện, khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung phát triển một cách cơ bản, bình thường như những đứa trẻ khác. Về phía anh Ngô Văn Q hiện đang làm công nhân có thu nhập nhưng chưa cung cấp bảng lương cho Tòa án. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, cần giao cháu Ngô Gia M cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị N yêu cầu anh Ngô Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho cháu Ngô Gia M đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là nguyện vọng chính đáng, đảm bảo quy định người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và phù hợp đạo đức, truyền thống bảo đảm quyền lợi cho con chung chưa thành niên. Về phía anh Ngô Văn Q cũng có ý kiến đồng ý cấp dưỡng nuôi con trong

trường hợp Tòa án giao con chung cho chị Phạm Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Xem xét điều kiện, khả năng kinh tế, bản thân anh Q hiện đang có công việc ổn định, tự trình bày thu nhập khoảng 10.500.000 đồng/tháng. Đảm bảo căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ấn định mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng; bị đơn không phải chịu lãi suất chậm trả do nguyên đơn không yêu cầu. Việc giao con cho người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi trong quá trình nuôi dưỡng sau này theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị N có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh Ngô Văn Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con không có giá ngạch.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Đối với quan điểm về việc đề nghị giải quyết nội dung vụ án; đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra được các nhận định, đánh giá chứng cứ, căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với đường lối, định hướng giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Ngô Văn Q.

(Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn ngày 13/2/2019).

2. Con chung: Chị Phạm Thị N và anh Ngô Văn Q có 01 con chung, cháu Ngô Gia M, sinh ngày 08/8/2019.

2.1. Khi ly hôn, chị Phạm Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Ngô Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. Anh Ngô Văn Q có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Ngô Gia M số tiền 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng/một tháng); thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Ngô Văn Q không phải chịu lãi xuất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành án.

3. Tài sản chung, khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí:

4.1. Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước; xác nhận đã thi hành đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004017 ngày 18/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

4.2. Anh Ngô Văn Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp Ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện H, T. Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện H, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Cường